



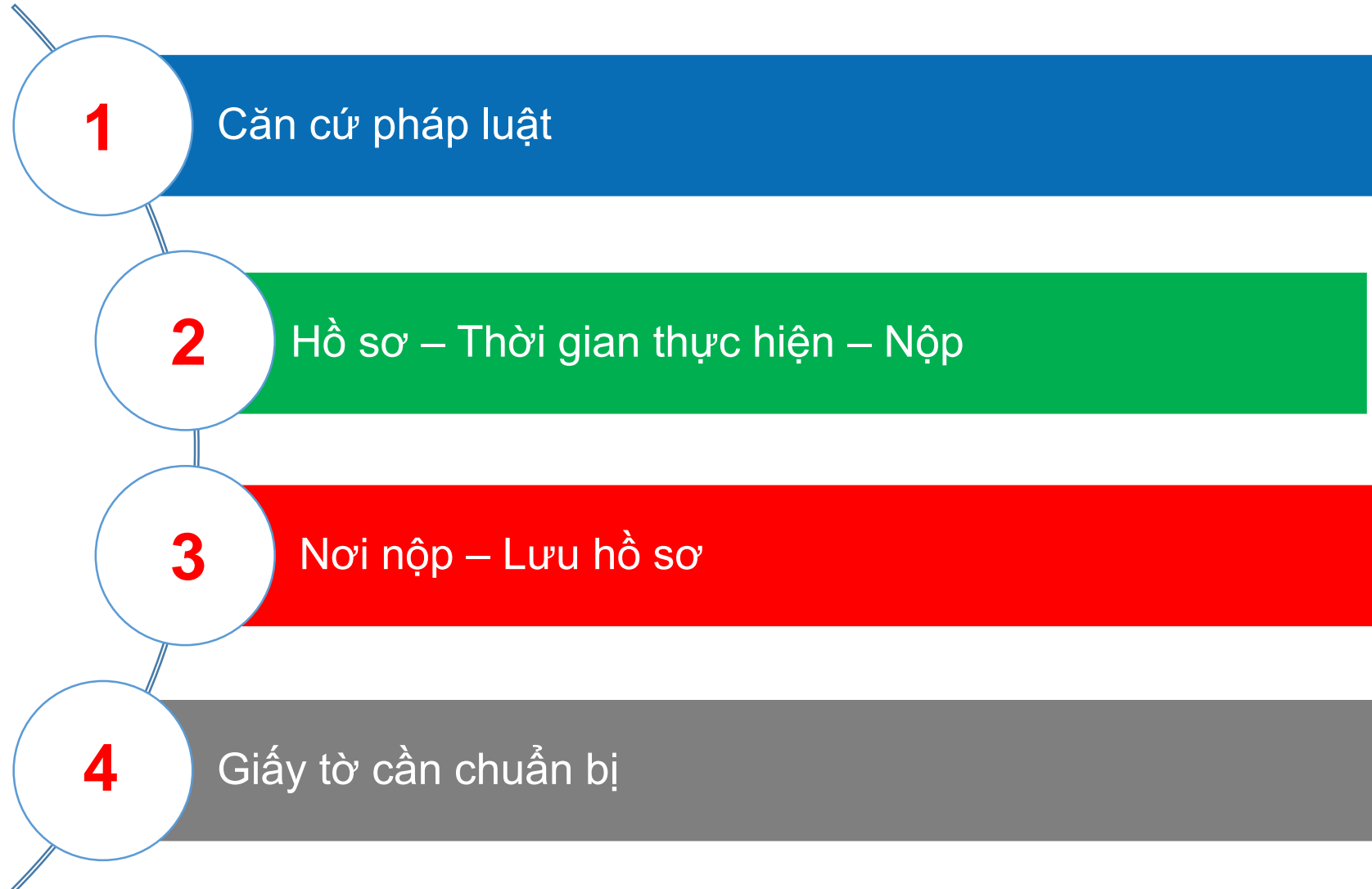
PHẦN I

HƯỚNG DẪN TỔNG QUAN VỀ HỒ SƠ BÁO CÁO CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 09 năm 2020

Phòng Tư Vấn





1. CĂN CỨ PHÁP LUẬT



- Luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/06/2014;
- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;
- Thông tư 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;
- Văn bản hướng dẫn thực hiện Báo cáo công tác bảo vệ môi trường cho các đối tượng trong Khu công nghiệp tại địa phương.

2. HỒ SƠ – THỜI GIAN THỰC HIỆN – NỘI DUNG

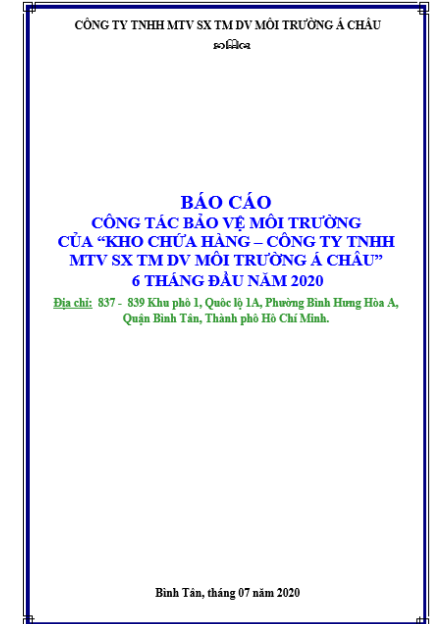


A Chau Company

2.1 Báo cáo công tác bảo vệ môi trường là gì?

Báo cáo công tác bảo vệ môi trường là báo cáo tổng hợp các nội dung của các báo cáo định kỳ bao gồm:

- ✓ Báo cáo quan trắc và giám sát môi trường định kỳ, quan trắc tự động liên tục,
- ✓ Quản lý chất thải rắn sinh hoạt,
- ✓ Quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường,
- ✓ Quản lý chất thải nguy hại,
- ✓ Quản lý phế liệu nhập khẩu,
- ✓ Kết quả giám sát và phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản) của cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ



2.2 Biểu mẫu báo cáo công tác bảo vệ môi trường



Phụ lục VI - Báo cáo công tác bảo vệ môi trường, Thông tư 25/2019/TT-BTNMT

2. HỒ SƠ – THỜI GIAN THỰC HIỆN – NỘI

2.3 Thời gian thực hiện báo cáo

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường **định kỳ hàng năm** (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12);
- **Gửi** tới các cơ quan quản lý **trước ngày 31 tháng 01** của năm tiếp theo;
- Báo cáo lần đầu được gửi trước ngày 31 tháng 01 năm 2021.

2.4 Thành phần hồ sơ: 02 Báo cáo công tác bảo vệ môi trường/nơi nộp

Hướng dẫn khi nộp hồ sơ:



- ✓ Mang 2 quyển báo cáo đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ
- ✓ Nộp cả 2 quyển vào bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận tiếp nhận lưu lại 1 quyển, quyển còn lại đóng mộc công văn đến và trả lại cho người nộp hồ sơ

Lưu ý:

- Tùy vào hình thức tiếp nhận và thụ lý hồ sơ tại mỗi cơ quan tiếp nhận hồ sơ mà có kết quả hồ sơ khác nhau
- Một số hình thức trả kết quả như: văn bản xác nhận,

3. NƠI NỘP – LƯU HỒ SƠ

3.1 Nơi nộp hồ sơ

- ✓ **Cơ quan đã phê duyệt, xác nhận** báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc hồ sơ về môi trường tương đương của dự án, cơ sở;
- ✓ **Sở Tài nguyên và Môi trường** (nơi dự án, cơ sở có hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ);

3.2 Lưu trữ hồ sơ

- ❑ Các **kỳ tháng 3, 6, 9, 12** (tương đương Quý I, II, III và IV) → **thực hiện quan trắc** chất lượng môi trường, đối chiếu và lưu giữ phiếu kết quả, có biện pháp khắc phục sự cố (nếu có);
- ❑ Lưu giữ các tài liệu liên quan đến báo cáo để cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện công tác thanh, kiểm tra;
- ❑ **Lập báo cáo** công tác bảo vệ môi trường **và nộp trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo**;
- ❑ Lưu giữ hồ sơ phục vụ công tác thanh, kiểm tra (tối thiểu 5 năm)



4. GIẤY TỜ CẦN CHUẨN BỊ

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, chứng nhận đầu tư
2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất/ Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất/ Hợp đồng thuê nhà xưởng, ...
3. Quyết định phê duyệt ĐTM/ Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch BVMT/ Đề án đơn giản/ Đề án chi tiết,
4. Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại (nếu có)
5. Hợp đồng thu gom CTRSH – Biên bản giao nhận CTRSH (nếu có)
6. Hợp đồng thu gom, xử lý CTCNTT (bao gồm bùn thải) – Biên bản giao nhận (nếu có)
7. Hợp đồng thu gom, xử lý CTNH – Chứng từ CTNH (nếu có)
8. Hóa đơn điện, nước, phí xử lý môi trường
9. Biên bản đấu nối + Hợp đồng xử lý nước thải (trường hợp doanh nghiệp trong KCN)
10. Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước; Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất; Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt (nếu có);
11. Kết quả quan trắc môi trường các đợt trong năm
12. Giấy phép của đơn vị vận chuyển+ xử lý (chất thải sinh hoạt, nguy hại, công nghiệp)
13. Giấy ủy quyền bản gốc hoặc có chứng thực (nếu người ký hồ sơ không phải là người đại diện Pháp luật theo Giấy CNĐK DN hoặc CNĐT);



PHẦN II

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN HỒ SƠ BÁO CÁO CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 09 năm 2020

Phòng Tư Vấn



Giới thiệu tổng quan:



Hướng dẫn viết hồ sơ:

Biểu mẫu hồ sơ lấy tại **Phụ lục VI - Báo cáo công tác bảo vệ môi trường, Thông tư 25/2019/TT-BTNMT**

Để viết thành quyển báo cáo hoàn chỉnh, bạn cần tạo các trang bìa, phụ bìa, mục lục, danh mục bảng biểu, hình ảnh, danh mục các từ viết tắt, ... và trang trí theo ý thích

- Đối với trang bìa: yêu cầu thể hiện đầy đủ các thông tin, tiêu đề báo cáo, địa chỉ thực hiện, địa danh và thời gian thực hiện
- Đối với trang phụ bìa: sử dụng lại các thông tin của trang bìa và thêm vị trí ký tên và đóng mộc của người đại diện pháp luật cho Công ty

→ Minh họa như sau:

CÔNG TY TNHH MTV SX TM DV MÔI TRƯỜNG Á CHÂU
Á Châu

**BÁO CÁO
CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA “KHO CHỨA HÀNG – CÔNG TY TNHH
MTV SX TM DV MÔI TRƯỜNG Á CHÂU”**

Địa chỉ: 837 - 839 Khu phố 1, Quốc lộ 1A, Phường Bình Hưng Hòa A,
Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bình Tân, tháng 06 năm 2020

Trang bìa

CÔNG TY TNHH MTV SX TM DV MÔI TRƯỜNG Á CHÂU

Á Châu

**BÁO CÁO
CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA “KHO CHỨA HÀNG – CÔNG TY TNHH
MTV SX TM DV MÔI TRƯỜNG Á CHÂU”**

Địa chỉ: 837 - 839 Khu phố 1, Quốc lộ 1A, Phường Bình Hưng Hòa A,
Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

CƠ QUAN CHỦ TRÌ
CÔNG TY TNHH MTV SX TM DV
MÔI TRƯỜNG Á CHÂU
GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THANH DŨNG

Bình Tân, tháng 06 năm 2020

Trang phụ bìa

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

Tiếp theo, để có căn cứ và theo dõi quá trình sản xuất, doanh nghiệp nên có phần mở đầu cho báo cáo, kê khai các thông tin cơ bản nhất về hoạt động sản xuất.

Dưới đây là mẫu tham khảo:

Hướng dẫn:

Các thông tin điền vào được lấy theo thực tế và theo các hồ sơ môi trường như: Báo cáo đánh giá tác động môi trường/ Kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc các hồ sơ tương đương khác



A Chau Company

1. Thông tin về doanh nghiệp:

- Tên Công ty/doanh nghiệp:

- Tên Nhà máy, xí nghiệp:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Nhân viên phụ trách môi trường:

Điện thoại:

2. Sản phẩm chính:

TT	Tên sản phẩm (*)	Đơn vị tính	Sản lượng (năm)
1			
2		

Ghi chú (*): Liệt kê các loại sản phẩm chính của đơn vị

3. Nguyên, nhiên liệu, hóa chất sử dụng phục vụ sản xuất

a. Nguyên liệu sản xuất chính:

TT	Loại nguyên liệu (*)	Đơn vị	Lượng sử dụng (năm)
1	A		
2	B		
...			

Ghi chú (*): Liệt kê các nguyên chính sử dụng (ví dụ: Tôm, PE, hạt nhựa, vải,....)

b. Nhiên liệu sử dụng phục vụ sản xuất

TT	Loại nhiên liệu	Đơn vị	Lượng sử dụng (năm)
1	Nước		
2	Điện		
3	Gas		
...	Dầu (DO,...)		

c. Hóa chất sử dụng:

TT	Loại hóa chất	Đơn vị	Lượng sử dụng (năm)
1	A (ví dụ: NH ₃)		
2	B (ví dụ: Clorin)		
...		

4. Các tiêu chí áp dụng về quản lý chất lượng (nếu có)

TT	Tiêu chí	Có/không
1	Iso 14000 (hoặc loại khác)	
2	Sản xuất sạch hơn (có đơn vị tư vấn)	
...		

1. Kết quả hoạt động các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

Phần 1. Kết quả hoạt động các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

1. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải

1.1. Xử lý nước thải

- Liệt kê các công trình xử lý nước thải, bao gồm cả các thay đổi so với kỳ báo cáo trước, nếu có;
- Tổng lưu lượng nước thải phát sinh;
- Kết quả vận hành hệ thống xử lý nước thải, tình hình đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải của khu công nghiệp (KCN), cụm công nghiệp (CCN) (đối với các cơ sở nằm trong KCN, CCN); căn cứ kết quả quan trắc để phân tích hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải, các chỉ tiêu, thông số vượt quy chuẩn (nếu có) và biện pháp khắc phục.

Hướng dẫn:

1. Đối với nước thải

Mục 1.1

- + Liệt kê công trình xử lý nước thải hiện hữu tại doanh nghiệp bao gồm: số lượng, sơ đồ công nghệ, thuyết minh công nghệ xử lý nước thải, các thay đổi từ đầu năm (từ 01/01 đến nay) so với năm trước (nếu có)
- + Tổng lưu lượng nước thải:
Có nhiều cách tính được lưu lượng nước thải như:
Cách 1: Dựa vào Sổ theo dõi lưu lượng nước thải hàng ngày → Tính tổng lượng nước xả ra
Cách 2: Dựa vào hóa đơn tiền nước → Ước lượng nước thải khoảng 80-90% lượng nước cấp vào
- + Kết quả vận hành: Báo cáo tổng quan về tình hình vận hành hệ thống xử lý nước thải, các vấn đề xảy ra, cách khắc phục (kèm theo thời gian)

Đối với các doanh nghiệp trong KCN, CCN: báo cáo thêm về tình hình đầu nối nước thải, nước mưa vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN, CCN (đã đầu nối chưa? Theo văn bản nào? Có thay đổi với năm trước không? ...)

Hướng dẫn:

Mục 1.2:

Tổng hợp thông tin các đợt quan trắc:

+ Tần suất quan trắc

+ Ngày tháng các đợt quan trắc

Mục 1.2.1:

Tổng hợp kết quả các đợt quan trắc, trình bày theo từng đợt quan trắc với các thông tin được liệt kê trong mục 1.2.1

1.2. Kết quả quan trắc nước thải

- Tổng hợp kết quả quan trắc theo từng đợt quan trắc (quan trắc định kỳ, quan trắc liên tục, tự động);

1.2.1. Quan trắc định kỳ nước thải

- Thời gian quan trắc:

- Tần suất quan trắc: (tần suất quan trắc theo báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) hoặc Kế hoạch BVMT hoặc tương đương).

- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc:

Bảng 1. Thống kê vị trí điểm quan trắc

ST T	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Mô tả điểm quan trắc
				Kinh độ	Vĩ độ	
1	Khu vực 1	Ký hiệu điểm 1	Ngày/tháng/năm			
-	Điểm quan trắc 1			106°08.4 65'	21°12.88 1'	Ví dụ: Tại công xã trước khi xả thải ra môi trường
-	Điểm quan trắc 2					
...						
2	Khu vực 2					
-	Điểm quan trắc 1					
-	Điểm quan trắc 2					
...						

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

Dựa vào kết quả phân tích của từng đợt, điền số liệu chính xác vào các bảng 1, 2 và 3

Nhận xét:

So sánh giữa kết quả phân tích và Quy chuẩn cho phép → kết quả đánh giá tổng quan (đạt/không đạt, ảnh hưởng như thế nào,)

Thống kê các điểm quan trắc vượt Quy chuẩn cho phép → cập nhật lý do, cách khắc phục và kết quả sau khi khắc phục

- Thông số quan trắc:

Bảng 2. Danh mục thông số quan trắc

TT	Thành phần môi trường quan trắc	Theo QCVN
1	Thông số ...	Ví dụ: QCVN 40 cột A; Kq = 1,1; Kf = 0,9
2	Thông số ...	

- Nhận xét, đánh giá kết quả quan trắc:

1) Đánh giá các số liệu và kết quả quan trắc của các đợt theo từng khu vực, so sánh theo QCVN được phê duyệt theo ĐTM hoặc Kế hoạch BVMT hoặc tương đương.

2) Thống kê các điểm quan trắc vượt quy chuẩn và các vấn đề bất thường nếu có.

3) Kết quả mỗi thành phần quan trắc được tổng hợp thành các bảng. Đối với phiếu trả kết quả quan trắc và phân tích có xác nhận của đơn vị thực hiện quan trắc cần lưu tại cơ sở để phục vụ cho hoạt động kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết.

Bảng 3. Kết quả quan trắc

TT	Ký hiệu điểm quan trắc	Ký hiệu mẫu	Nhóm thông số		Nhóm thông số	
			Thông số	Thông số	Thông số	Thông số
			Đơn vị đo	Đơn vị đo	Đơn vị đo	Đơn vị đo
1	Ký hiệu điểm 1	Mẫu 01				
		Mẫu 02				
					
2	Ký hiệu điểm 2	Mẫu 01				
		Mẫu 02				
					
Giá trị QCVN/TCVN hiện hành						



Á Châu Company

Hướng dẫn:

Lưu ý: Mục này chỉ áp dụng cho các đối tượng có lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải liên tục tự động quy định tại điểm số 2, khoản 20, điều 2, nghị định 40/2019/NĐ-CP

Mục 1.2.2

Tổng hợp các thông tin và kết quả như các gợi ý trong báo cáo

1.2.2. Quan trắc nước thải liên tục, tự động

a). Thông tin chung về hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục

- Vị trí, địa điểm lắp đặt trạm (kèm tọa độ và bản đồ vị trí đặt trạm).
- Mô tả đặc điểm nguồn thải được giám sát
- Tần suất thu nhận dữ liệu
- Danh mục thông số quan trắc, giá trị QCVN để so sánh với giá trị quan trắc đối với từng thông số.
- Thông tin về hoạt động hiệu chuẩn, kiểm định thiết bị: thời gian, tần suất hiệu chuẩn, kiểm định.

b) Tình trạng hoạt động của trạm

- Các sự cố đối với hệ thống quan trắc tự động, nguyên nhân, cách khắc phục
- Các khoản thời gian hệ thống quan trắc tự động dừng hoạt động
- Thống kê mức độ đầy đủ của các kết quả quan trắc

Bảng 4. Bảng thống kê số liệu quan trắc

Thông số	Thông số 1	Thông số 2	Thông số 3
Số giá trị quan trắc theo thiết kế					
Số giá trị quan trắc nhận được					
Số giá trị quan trắc lỗi/bất thường					
Tỉ lệ số liệu nhận được so với số giá trị theo thiết kế (%)					
Tỉ lệ số liệu lỗi/bất thường so với số giá trị nhận được (%)					

Ghi chú:

- Số giá trị quan trắc theo thiết kế: ví dụ tần suất dữ liệu là 5 phút/lần thì số giá trị theo thiết kế trong 1 giờ là $60/5=12$ giá trị, trong 1 ngày là $12 \times 24 = 288$ giá trị.

- Số giá trị quan trắc nhận được: số giá trị nhận được thực tế

- Số giá trị lỗi/bất thường: số giá trị quan trắc trong thời gian thiết bị quan trắc lỗi, hỏng.

Bảng 5. Thống kê các sự cố tại các trạm và biện pháp khắc phục

Tên sự cố	Thời gian	Nguyên nhân và biện pháp khắc phục đã được áp dụng
Sự cố thứ 1		
Sự cố thứ 2		

c). Nhận xét kết quả quan trắc

- Tính toán giá trị quan trắc trung bình 1 giờ (đối với các thông số có tần suất dữ liệu nhận được nhỏ hơn 1 giờ).
- So sánh giá trị quan trắc trung bình 1 giờ so với QCVN (đối với các thông số có trong QCVN).
- Thống kê các ngày có giá trị quan trắc trung bình 1 giờ vượt quá giới hạn của QCVN.
- Trong những ngày số liệu quan trắc cao bất thường cần có lý giải.
- Thống kê số số giá trị quan trắc trung bình 1 giờ vượt QCVN (thống kê theo từng thông số)

Bảng 6. Thống kê số giá trị quan trắc trung bình 1 giờ vượt quá giới hạn QCVN

Thông số	Số ngày có giá trị trung bình 1 giờ vượt QCVN	Số giá trị trung bình 1 giờ vượt QCVN	Tỷ lệ giá trị trung bình 1 giờ vượt QCVN (%)
Thông số 1			
Thông số 2			
...			

Ghi chú: Tỷ lệ trung bình 1 giờ vượt QCVN được tính bằng số giá trị trung bình 1 giờ vượt QCVN trên tổng số giá trị quan trắc trung bình 1 giờ nhận được.

d). Kết luận:

- Nhận định về mức độ đầy đủ của dữ liệu thu nhận
- Thông số vượt ngưỡng, thời gian vượt ngưỡng so với QCVN tương ứng.

Hướng dẫn:

1. Đối với khí thải

Mục 1.1

- + Liệt kê công trình xử lý khí thải hiện hữu tại doanh nghiệp bao gồm: số lượng, sơ đồ công nghệ, thuyết minh công nghệ xử lý nước thải, các thay đổi từ đầu năm (từ 01/01 đến nay) so với năm trước (nếu có)
- + Tổng lưu lượng khí thải: dựa vào tình hình hoạt động và công suất của thiết bị xử lý → ước lượng cho cả năm
- + Kết quả vận hành: Báo cáo tổng quan về tình hình vận hành hệ thống xử lý khí thải, các vấn đề xảy ra, cách khắc phục (kèm theo thời gian)

Từ mục 2.2 đến hết mục 2: điền tương tự mục 1 (nước thải)

2. Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải

2.1. Xử lý khí thải

- Liệt kê các công trình xử lý khí thải, bao gồm cả các thay đổi so với kỳ báo cáo trước, nếu có;
- Tổng lưu lượng khí thải phát sinh;
- Kết quả vận hành hệ thống xử lý khí thải: căn cứ kết quả quan trắc để phân tích hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải, các chỉ tiêu, thông số vượt quy chuẩn (nếu có) và biện pháp khắc phục.

2.2. Kết quả quan trắc khí thải

- Tổng hợp kết quả quan trắc theo từng đợt quan trắc (quan trắc định kỳ, quan trắc liên tục, tự động);

2.2.1. Quan trắc khí thải định kỳ

- Thời gian quan trắc:
- Tần suất quan trắc: (tần suất quan trắc theo báo cáo ĐTM hoặc Kế hoạch BVMT hoặc tương đương).
- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc:

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN



A Chau Company

Bảng 1. Thống kê vị trí điểm quan trắc

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Mô tả điểm quan trắc
				Kinh độ	Vĩ độ	
1	Khu vực 1	Ký hiệu điểm 1	Ngày/tháng/năm			
-	Điểm quan trắc 1			106°08.4 65'	21°12.88 1'	Vi dụ: tại ống khói .. của nhà máy
-	Điểm quan trắc 2					
...						
2	Khu vực 2					
-	Điểm quan trắc 1					
-	Điểm quan trắc 2					
...						

- Thông số quan trắc:

Bảng 2. Danh mục thông số quan trắc

TT	Thành phần môi trường quan trắc	Theo QCVN
1	Thông số ...	Vi dụ: QCVN 51:2017/BTNMT cột A2; Kp = 1; Kv = 0,6
2	Thông số ...	

- Nhận xét, đánh giá kết quả quan trắc:

1) Đánh giá các số liệu và kết quả quan trắc theo từng khu vực so sánh theo QCVN được phê duyệt theo ĐTM hoặc Kế hoạch BVMT hoặc tương đương.

2) Thống kê các điểm quan trắc vượt quy chuẩn và các vấn đề bất thường nếu có

3) Kết quả mỗi thành phần quan trắc được tổng hợp thành các bảng. Đối với phiếu trả kết quả quan trắc và phân tích có xác nhận của đơn vị thực hiện quan trắc cần lưu tại cơ sở để phục vụ cho hoạt động kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết.

Bảng 3. Kết quả quan trắc

TT	Ký hiệu điểm quan trắc	Ký hiệu mẫu	Nhóm thông số		Nhóm thông số	
			Thông số	Thông số	Thông số	Thông số
			Đơn vị đo	Đơn vị đo	Đơn vị đo	Đơn vị đo
1	Ký hiệu điểm 1	Mẫu 01				
		Mẫu 02				
		...				
2	Ký hiệu điểm 2	Mẫu 01				
		Mẫu 02				
					
Giá trị QCVN/TCVN hiện hành						

- Kết luận:

Nhận định từng khu vực quan trắc; Thông số vượt, mức vượt theo QCVN được phê duyệt tại ĐTM hoặc Kế hoạch BVMT hoặc tương đương được quy định.

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

Hướng dẫn:

Lưu ý: Mục này chỉ áp dụng cho các đối tượng có lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải liên tục tự động quy định tại điểm số 2, khoản 23, điều 2, nghị định 40/2019/NĐ-CP

Mục 1.2.2

Tổng hợp các thông tin và kết quả như các gợi ý trong báo cáo

2.2.2. Quan trắc khí thải liên tục, tự động

a). Thông tin chung về hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục

- Vị trí, địa điểm lắp đặt trạm (kèm tọa độ và bản đồ vị trí đặt trạm).
- Mô tả đặc điểm nguồn thải được giám sát
- Tần suất thu nhận dữ liệu
- Danh mục thông số quan trắc, giá trị QCVN để so sánh với giá trị quan trắc đối với từng thông số.
- Thông tin về hoạt động hiệu chuẩn, kiểm định thiết bị: thời gian, tần suất hiệu chuẩn, kiểm định.

b) Tình trạng hoạt động của trạm

- Các sự cố đối với hệ thống quan trắc tự động, nguyên nhân, cách khắc phục
- Các khoản thời gian hệ thống quan trắc tự động dừng hoạt động
- Thống kê mức độ đầy đủ của các kết quả quan trắc

Bảng 4. Bảng thống kê số liệu quan trắc

Thông số	Thông số 1	Thông số 2	Thông số 3
Số giá trị quan trắc theo thiết kế					
Số giá trị quan trắc nhận được					
Số giá trị quan trắc lỗi/bất thường					
Tỉ lệ số liệu nhận được so với số giá trị theo thiết kế (%)					
Tỉ lệ số liệu lỗi/bất thường so với số giá trị nhận được (%)					

Ghi chú:

- Số giá trị quan trắc theo thiết kế: ví dụ tần suất dữ liệu là 5 phút/lần thì số giá trị theo thiết kế trong 1 giờ là $60/5=12$ giá trị, trong 1 ngày là $12 \times 24 = 288$ giá trị.

- Số giá trị quan trắc nhận được: số giá trị nhận được thực tế

- Số giá trị lỗi/bất thường: số giá trị quan trắc trong thời gian thiết bị quan trắc lỗi, hỏng.

Bảng 5. Thống kê các sự cố tại các trạm và biện pháp khắc phục

Tên sự cố	Thời gian	Nguyên nhân và biện pháp khắc phục đã được áp dụng
Sự cố thứ 1		
Sự cố thứ 2		



A Chau Company

c). Nhận xét kết quả quan trắc

- Tính toán giá trị quan trắc trung bình 1 giờ (đối với các thông số có tần suất dữ liệu nhận được nhỏ hơn 1 giờ).
- So sánh giá trị quan trắc trung bình 1 giờ so với QCVN (đối với các thông số có trong QCVN).
- Thống kê các ngày có giá trị quan trắc trung bình 1 giờ vượt quá giới hạn của QCVN.
- Trong những ngày số liệu quan trắc cao bất thường cần có lý giải.
- Thống kê số số giá trị quan trắc trung bình 1 giờ vượt QCVN (thống kê theo từng thông số)

Bảng 6. Thống kê số giá trị quan trắc trung bình 1 giờ vượt quá giới hạn QCVN

Thông số	Số ngày có giá trị trung bình 1 giờ vượt QCVN	Số giá trị trung bình 1 giờ vượt QCVN	Tỷ lệ giá trị trung bình 1 giờ vượt QCVN (%)
Thông số 1			
Thông số 2			
...			

Ghi chú: Tỷ lệ trung bình 1 giờ vượt QCVN được tính bằng số giá trị trung bình 1 giờ vượt QCVN trên tổng số giá trị quan trắc trung bình 1 giờ nhận được.

d). Kết luận:

- Nhận định về mức độ đầy đủ của dữ liệu thu nhận
- Thông số vượt ngưỡng; thời gian vượt ngưỡng so với QCVN khí thải tương ứng từng loại ngành nghề.

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

Hướng dẫn:

3. Quản lý chất thải rắn

Đối với từng loại chất thải, thống kê các thông tin sau:

- ✓ Nguồn phát sinh
- ✓ Thành phần
- ✓ Nơi lưu chứa (vị trí, mô tả kho chứa, diện tích, ...)
- ✓ Tần suất thu gom
- ✓ Đơn vị thu gom
- ✓ Hợp đồng (mã số hợp đồng, thời hạn: ngày ký – ngày kết thúc,...)

→ Tổng hợp các thông tin và kết quả thu gom, xử lý như các gợi ý trong báo cáo

Lưu ý:

Đối với chất thải nguy hại:

Để điền được đầy đủ thông tin, cần dựa vào hồ sơ năng lực của đơn vị xử lý chất thải đang hợp tác, điền đầy đủ thông tin về tên - mã chất thải nguy hại và phương pháp xử lý

3. Về quản lý chất thải rắn

Thống kê chất thải phát sinh (Trường hợp có nhiều hơn một cơ sở phát sinh CTRSH, CTCRNTT thì phân biệt rõ đối với từng cơ sở)

Thống kê CTRSH:

TT	Nhóm CTRSH	Số lượng (kg)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Ghi chú
1				
3	Tổng khối lượng			

Thống kê CTCRNTT (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất):

TT	Nhóm CTCRNTT	Số lượng (kg)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTCRNTT	Ghi chú
1	Sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu cho quá trình sản xuất			
2	Phải xử lý			
3				

Thống kê CTNH (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất):

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý ⁽¹⁾	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Ghi chú
				(tên và mã số QLCTNH)	Ví dụ: Tái sử dụng; xuất khẩu; đồng xử lý;...
Tổng số lượng					

⁽¹⁾ Ghi ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); TR (Tẩy rửa); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).



A Chau Company

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN



A Chau Company

Hướng dẫn:

Tại mục a1. Đối với bảng thống kê chất thải nguy hại được xuất khẩu:

Trường hợp “có”: điền đầy đủ các thông tin liệt kê trong bảng

Trường hợp “không”: ghi “không có”

→ Tương tự đối với trường hợp a2

Trường hợp có tiến hành quan trắc bùn thải, chất thải nguy hại loại 1 sao → đính kèm kết quả quan trắc vào phụ lục hồ sơ

Kế hoạch quan trắc trong kỳ tới (năm sau):

Liệt kê các loại chất thải và kế hoạch chuyển giao xử lý tương tự như sau:

- ✓ Nguồn phát sinh
- ✓ Thành phần
- ✓ Nơi lưu chứa (vị trí, mô tả kho chứa, diện tích, ...)
- ✓ Tần suất thu gom
- ✓ Đơn vị thu gom

a¹) Thống kê các CTNH được xuất khẩu (nếu có):

Tên chất thải	Mã CTNH	Mã Basel	Số lượng (kg)	Đơn vị vận chuyển xuyên biên giới	Đơn vị xử lý ở nước ngoài
				(tên, địa chỉ)	(tên, địa chỉ)
Tổng số lượng					

a²) Thống kê các CTNH được tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong khuôn viên cơ sở (nếu có):

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương thức tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH
Tổng số lượng			

- Kế hoạch quản lý CTNH trong kỳ báo cáo tới (trừ trường hợp chủ nguồn thải có thời gian hoạt động dưới 01 năm):

- Kết quả quan trắc bùn thải, chất thải rắn có chứa thành phần nguy hại loại 1 sao (nếu có)

4. Kết quả khắc phục các yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có)

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

2. Tình hình thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH, CTCRNTT, CTNH

Lưu ý:

Chỉ áp dụng đối với chủ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH, CTCRNTT, CTNH



A Chau Company

Phần 2. Tình hình thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH, CTCRNTT, CTNH¹

1. Đối với chủ thu gom, vận chuyển CTRSH, CTCRNTT

A. Tình hình chung về hoạt động thu gom, vận chuyển CTRSH:

- Khối lượng CTRSH được thu gom và vận chuyển:
- Thông tin về các tổ chức phát sinh chuyển giao CTRSH:

TT	Tên các tổ chức	Khối lượng (kg)	Ghi chú
1			
2			
	Tổng khối lượng		

- Thông tin về các chủ cơ sở xử lý CTRSH tiếp nhận để xử lý CTRSH do đơn vị trực tiếp thu gom, vận chuyển:

TT	Tên chủ cơ sở xử lý CTRSH	Khối lượng (kg)	Ghi chú
1			
2			
	Tổng khối lượng		

B. Đối với CTCRNTT

- Khối lượng CTCRNTT được thu gom và vận chuyển:.....
- Thông tin về các tổ chức phát sinh chuyển giao CTCRNTT:.....

TT	Tên các tổ chức	Khối lượng (kg)	Ghi chú
1			
2			
	Tổng khối lượng		

- Thông tin về các chủ cơ sở xử lý CTCRNTT tiếp nhận để xử lý CTCRNTT do đơn vị trực tiếp thu gom, vận chuyển:

TT	Tên chủ cơ sở xử lý CTCRNTT	Khối lượng (kg)	Ghi chú
1			
2			
	Tổng khối lượng		

3. Tình hình quản lý phế liệu nhập khẩu

Lưu ý:

Chỉ áp dụng đối với cơ sở có sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất

Phần 3. Tình hình quản lý phế liệu nhập khẩu²

Giấy xác nhận đã cấp số:..... ngày Cơ quan cấp

1. Báo cáo về nhập khẩu, sử dụng phế liệu đã nhập khẩu trong năm

Lô hàng phế liệu nhập khẩu	Thời điểm nhập	Khối lượng phế liệu đã nhập khẩu	Cửa khẩu nhập khẩu	Số tiền ký quỹ phế liệu	Hoàn trả/sử dụng số tiền ký quỹ
1. Phế liệu...					
Lô 1					
Lô 2...					
Tổng cộng					
Đã sử dụng					
2. Phế liệu...					

2. Tình trạng kho, bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu: ngoài những nội dung báo cáo về thực trạng sử dụng, quản lý kho, bãi lưu giữ phế liệu, cần mô tả những nội dung thay đổi, điều chỉnh so với Giấy xác nhận đã được cấp.

3. Kết quả hoạt động sản xuất, tái chế phế liệu.

4. Chứng thư giám định các lô hàng đã thông quan đối với trường hợp được miễn kiểm tra (trừ các nội dung đã được báo cáo tại các mục riêng)

3. Tình hình quản lý phế liệu nhập khẩu

Lưu ý:

Chỉ áp dụng đối với tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản

Phần 4. Tình hình triển khai công tác cải tạo và phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản³

- Các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường đã thực hiện trong kỳ báo cáo;
- Các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường đã được xác nhận hoàn thành trong kỳ báo cáo;
- Số tiền ký quỹ trong kỳ báo cáo và tổng số tiền đã ký quỹ đến thời điểm báo cáo.

Lưu ý khi thực hiện hồ sơ:

- ✓ Tài liệu hướng dẫn được Môi trường Á Châu biên soạn dựa trên các quy định pháp luật hiện hành.
- ✓ Khi Quý Khách hàng thực hiện hồ sơ cần cập nhật thêm các quy định, yêu cầu từ Cơ quan quản lý môi trường tại địa phương.



A Chau Company



1900 54 54 50 – 033 8351122



www.moitruongachau.com



info@moitruongachau.com



Phản ánh chất lượng dịch vụ: 033 9751122

Chân thành cảm ơn!

Tài liệu này được Môi Trường Á Châu tổng hợp, biên tập từ các nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy (theo văn bản pháp luật - VBPL tính đến thời điểm phát hành tài liệu) và từ kinh nghiệm trong quá trình cung cấp dịch vụ. Văn bản mang tính chất tham khảo, không có giá trị thay thế các VBPL được ban hành. Các nội dung có khả năng thay đổi phù hợp với VBPL hoặc quy định khác tại mỗi khu vực và tình hình hoạt động của Doanh nghiệp, Môi Trường Á Châu không chịu trách nhiệm liên quan.

**Bản quyền thuộc về Công Ty Môi Trường Á Châu, các Tổ chức, Cá nhân sử dụng tài liệu vui lòng ghi rõ nguồn.*



A Chau Company

HỢP TÁC THÂN THIỆN - PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
Friendly Cooperation - Sustainable Development



1900 545450



info@moitruongachau.com



www.moitruongachau.com